

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH SÓC TRĂNG**

Số: 13 /2012/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Sóc Trăng, ngày 06 tháng 02 năm 2012*

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **Về việc ban hành Quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí trông giữ xe trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng**

#### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí ngày 28/8/2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí, lệ phí; Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí, lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí; Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 15/2003/TT-BTC ngày 07/3/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí trông giữ xe đạp, xe máy, ô tô bị tạm giữ do vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông;

Căn cứ Thông tư số 19/2007/TT-BTC ngày 13/3/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn về quản lý, xử lý tang vật, phương tiện hết thời hạn tạm giữ bị tịch thu theo thủ tục hành chính và thu, nộp, quản lý, sử dụng phí lưu giữ, bảo quản tang vật, phương tiện bị tạm giữ;

Căn cứ Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16/10/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 26/2011/NQ-HĐND ngày 09/12/2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí trông giữ xe và phí chợ, trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tỉnh Sóc Trăng,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí trông giữ xe trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

**Điều 2.** Giao Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Cục Thuế tỉnh và các ngành chức năng có liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện thu phí theo các quy định hiện hành.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 160/2003/QĐ.UBND ngày 27/10/2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc quy định mức thu, quản lý, sử dụng phí trông giữ xe trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Sở Giao thông Vận tải, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Công an tỉnh, Cục trưởng Cục Thuế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

### ***Nơi nhận:***

- Như Điều 4;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT. TU, TT. HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- VP. ĐDBQH&HĐND tỉnh;
- Lưu: TH, KT, VX, XD, HC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Trung Hiếu**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

### **QUY ĐỊNH**

**Mức thu, quản lý và sử dụng phí trông giữ xe trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng**  
*(Kèm theo Quyết định số 13 /2012/QĐ-UBND ngày 06/02/2012  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)*

#### **Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng:**

##### **1. Phạm vi áp dụng:**

Quy định này quy định về mức thu, quản lý và sử dụng phí trông giữ xe trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

##### **2. Đối tượng áp dụng:**

Tất cả các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thu, quản lý và sử dụng phí trông giữ xe trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

#### **Điều 2. Đối tượng nộp phí:**

Các chủ phương tiện có nhu cầu gửi xe đạp, xe gắn máy, xe mô tô, xe ô tô (gọi tắt là xe các loại) tại các điểm, bãi trông giữ xe do các tổ chức, cá nhân có hoạt động dịch vụ trông giữ xe theo quy định, phù hợp với quy hoạch và quy định về kết cấu hạ tầng giao thông, đô thị của địa phương; phương tiện tham gia giao thông vi phạm các quy định về trật tự an toàn giao thông bị tạm giữ chờ xử lý theo quy định của pháp luật đều phải nộp phí trông giữ xe theo quy định tại Quyết định này, trừ các trường hợp sau:

- Các tổ chức, cá nhân có hoạt động trông giữ xe không thu tiền như: cơ quan nhà nước tổ chức giữ xe cho khách đến giao dịch hoặc liên hệ công tác; khách sạn, nhà hàng giữ xe cho khách hàng; các trường học có bố trí địa điểm để xe cho học sinh, sinh viên, ...

- Phương tiện tham gia giao thông bị tạm giữ nhưng sau đó được trả lại chủ phương tiện do cơ quan của người ra quyết định tạm giữ xác định người có phương tiện bị tạm giữ không có lỗi vi phạm các quy định về trật tự an toàn giao thông thì chi phí cho việc tạm giữ phương tiện trong thời gian tạm giữ do cơ quan của người ra quyết định tạm giữ phương tiện thanh toán từ nguồn kinh phí theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 04/2006/TT-BTC ngày 18/01/2006 của Bộ Tài chính.

### **Điều 3. Mức thu phí:**

#### **1. Phí trông giữ xe tại các bãi giữ xe:**

a) Mức thu phí trông giữ xe ban ngày (từ 06 giờ đến trước 18 giờ):

- Xe đạp: 1.000 đồng/lượt;
- Xe mô tô, gắn máy: 2.000 đồng/lượt;
- Xe ô tô dưới 12 chỗ và xe tải dưới 2,5 tấn: 8.000 đồng/lượt;
- Xe ô tô từ 12 chỗ trở lên và xe tải từ 2,5 tấn trở lên: 10.000 đồng/lượt.

b) Mức thu phí trông giữ xe ban đêm (từ 18 giờ đến trước 06 giờ sáng hôm sau): tối đa gấp đôi mức thu phí trông giữ xe cùng loại ban ngày.

c) Mức thu phí trông giữ xe cả ngày đêm: tối đa bằng mức thu phí ban ngày cộng với mức thu phí ban đêm.

d) Mức thu phí trông giữ xe tại các cơ sở giáo dục và đào tạo, cơ sở khám chữa bệnh, chợ: tối đa bằng 50% mức thu phí trông giữ xe cùng loại được quy định tại điểm a, b, c nêu trên.

e) Mức thu phí trông giữ xe tháng: tối đa 50 lần mức thu phí trông giữ xe ban ngày.

#### **2. Phí trông giữ xe bị tạm giữ do vi phạm trật tự giao thông:**

- Xe gắn máy, xe mô tô: 5.000 đồng/ngày, đêm.
- Xe ô tô, xe tải: 30.000 đồng/ngày, đêm.

### **Điều 4. Quản lý, sử dụng phí và chứng từ thu phí:**

a) Đối với đơn vị, tổ chức thu phí được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí cho hoạt động thu phí theo dự toán ngân sách hàng năm thì phải nộp toàn bộ số phí thu được vào ngân sách nhà nước.

b) Đối với đơn vị, tổ chức thu phí chưa được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí cho hoạt động thu phí: được để lại 80% số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho các hoạt động thu phí theo hướng dẫn tại Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí và Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực

hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí; số còn lại 20% nộp vào ngân sách nhà nước.

c) Đối với các tổ chức, cá nhân kinh doanh thu phí có nghĩa vụ nộp thuế theo quy định hiện hành.

d) Biên lai, chứng từ thu phí thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Bộ Tài chính về phát hành, quản lý, sử dụng ấn chỉ thuế.

e) Đơn vị tổ chức thu phí phải lập, giao biên lai thu phí hoặc hóa đơn thu phí cho đối tượng nộp phí có trách nhiệm niêm yết công khai mức thu phí của từng loại xe tại địa điểm thu phí theo quy định, treo bảng ở vị trí thuận tiện để các đối tượng nộp phí dễ nhận thấy, thu đúng mức thu phí trong giữ xe đã được niêm yết.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Trung Hiếu**